

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĂN LANG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2021- 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm cả năm	737	188	182	192	175
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.2%	96.8%	89.6%	94.8%	91.4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6.8%	3.2%	10.4%	5.2%	8.6%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực cả năm	737	188	182	192	175
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	29.5%	25%	23.63%	27.1 %	42.8 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	34.2%	34%	35.71%	39.1 %	27.4 %
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	32%	32.5%	36.81%	29.1 %	29.8 %
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4.3%	8.5%	3.85%	4.7 %	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	737	188	182	192	175
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	95.66 %	91.49%	96.15%	95.31%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	29.5%	25%	23.63%	27.1%	42.8%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	34.2%	34%	35.71%	39.1%	27.4%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4.3%	8.5%	3.85%	4.7%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	2.6/4.2	1/2.2	0.5/2	2.8/0.5
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	2	0	0	0	2
1	Cấp tỉnh/thành phố	2	0	0	0	2
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					175
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					175
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					42.8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					27.4%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					29.8%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	378/359	98/90	83/99	103/89	94/81
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	38	7	9	10	12

Quận 1, ngày 03 tháng 10 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG
Trần Ngọc Lâm